

Bản án số: **43/2018/HC-PT**

Ngày: 23-03-2018

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4a/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1959; có mặt.

- Ông Nghiêm Đức A, sinh năm 1986; vắng mặt.

- Bà Nghiêm Thị H, sinh năm 1989; vắng mặt.

- Bà Nghiêm Thị Kim C, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H, bà Nghiêm Thị Kim C: Bà Lê Thị L; theo giấy ủy quyền ngày 01/9/2016; Bà L có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lưu Văn K - Phó chủ tịch, UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 01 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đào Mai L, sinh năm 1955.

- Bà Hà Thị Minh Đ, sinh năm 1961.

Cùng trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị Minh Đ: Ông Đào Mai L; theo giấy ủy quyền ngày 7/5/2015.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tạ Quang T, luật sư, Văn phòng luật sư THT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Khu C, Tp B, Đắk Lắk, có mặt.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Đào Mai L.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2014 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị Kim C và bà Nghiêm Thị H trình bày:

Ông Nghiêm Đông X (chết ngày 28/11/1995) là chồng Bà L, là cha của ông A, bà C, bà H. Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nghiêm Đông X là sĩ quan Quân đội, làm nhà ở theo Quyết định số: 205/SDĐ ngày 10/02/1985 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; Diện tích đất được cấp 300m² thuộc khu vực. sân bay L19 cũ (nay là số 122 đường L, thành phố B); Thửa đất có tứ cận: Hướng Nam giáp đất Ông Nguyễn Hữu N; hướng Bắc giáp đất ông Hoàng Viêt S; hướng Đông giáp sân bay L19 cũ; hướng Tây giáp đất Nông trường cà phê T.

Sau khi nhận đất được cấp, ông X cho ông Đào Mai L là người quen mượn diện tích đất nêu trên để trồng hoa màu. Sau đó, ông L tự ý xây dựng nhà ở trên đất; Mặc dù gia đình ông X nhiều lần đòi lại diện tích đất nêu trên nhưng ông L không trả lại đất. Sau khi ông X chết, Bà L và các con ông X tiếp tục đòi ông L trả lại diện tích đất nêu trên và gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét giải quyết.

Ngày 03/10/1998, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 103/QĐ thu hồi Quyết định cấp đất cho ông L thửa đất nêu trên nhưng ông L vẫn không chịu trả lại thửa đất nêu trên cho gia đình Bà L; Gia đình Bà L đã khiếu nại đến UBND thành phố B đề nghị giải quyết; Ngày 29/10/2013, UBND thành phố B trả lời bằng văn bản hướng dẫn gia đình Bà L khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố B, để được giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L. Vì vậy, gia đình Bà L đã làm đơn đề nghị UBND phường T, thành phố B đề nghị giải quyết Ngày 30/12/2013. UBND phường T đưa vụ

việc ra hòa giải nhưng không thành và chuyển hồ sơ được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết.

Trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố B đang giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên, giữa gia đình Bà L và ông L, thì ngày 22/9/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B ban hành Công văn số: 250/CV-TNMT thông báo cho Tòa án biết ngày 20/12/2013 UBND thành phố B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288 cho hộ ông Đào Mai L và bà Hà Thị Minh Đ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83.

Việc UBND thành phố B, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L, bà Đ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83 là trái pháp luật. Vì vậy, Bà L, ông A, bà H; bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288, do UBND thành phố B cấp ngày 20/12/2013 cho hộ ông L, bà Đ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại địa chỉ số 122 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện là UBND thành phố B trình bày:

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại địa chỉ 122 đường L, thành phố B giữa hộ gia đình bà Lê Thị L và ông Đào Mai L, đã được Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết tại Quyết định giải quyết tranh chấp đai số: 1110/QĐ-UBND ngày 03/7/2006: Không chấp nhận nội dung đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Lê Thị L với ông Đào Mai L. Mặc dù từ năm 2006 đến năm 2013, Bà L liên tục khiếu nại nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên Chủ tịch UBND thành phố B không tiếp tục giải quyết.

Ngày 28/7/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B ban hành Công văn số: 104/CV-TNMT đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào Mai L thửa đất số 29. Căn cứ văn bản hướng dẫn số: 706/STNMT-QLĐĐ ngày 13/8/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố B đã lập phiếu chuyển thông tin địa chính đến Chi cục thuế thành phố B xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông L. Sau khi ông L nộp tiền vào ngân sách nhà nước, ngày 20/12/2013 UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 3603/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288 cho hộ gia đình ông Đào Mai L thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại địa chỉ 122 đường L, thành phố B.

Việc gia đình Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông L thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83 là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Mai L và bà Hà Thị Minh Đ trình bày:

Ngày 25/6/1982, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 261/SDĐ cấp cho ông L 300m² đất tại sân bay LI 9 cũ (nay là số 122 đường L, thành phố B); tháng 02/1986, ông Nghiêm Đông X đến gặp ông L và

cho rằng thửa đất mà ông L đang sử dụng trùng với vị trí thửa đất mà Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông X tại sân bay LI9; Ông L và ông X đã thỏa thuận với nhau: Ông X chuyển nhượng cho ông L thửa đất nêu trên (Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 02/02/1986). Do bà Lê Thị L có đơn khiếu nại về quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, nên Thanh tra Bộ Quốc phòng đã tiến hành xem xét việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp đất cho ông L và ông X.

Căn cứ vào Bản kết luận thanh tra của Bộ Quốc phòng, ngày 03/10/1998, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 103/QĐ thu hồi Quyết định cấp đất số: 261/SDĐ ngày 25/6/1982 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk về việc cấp đất cho ông L.

Theo quyết định số: 1110/QĐ-UBND-TNMT ngày 03/7/2006 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên, giữa gia đình Bà L và ông L: Không chấp nhận nội dung đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ Bà L và ông L.

Sau khi có Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND thành phố B, Ông L đã làm thủ tục đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường: thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên; Ngày 20/12/2013, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BP 224288 cho ông L, bà Đ thửa đất nêu trên là đúng với quy định của pháp luật.

(Trước đây, vụ án này đã được Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H và bà Nghiêm Thị Kim C về yêu cầu hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào Mai L, theo quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, diện tích 198,4m² tại phường T, thành phố B của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm đã tuyên hủy bản án sơ thẩm trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H, bà Nghiêm Thị Kim C và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung).

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2017/HC-ST ngày 26/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành Chính; Điều 49 Luật Đất đai năm 2003; Điều 7 Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H, bà Nghiêm Thị Kim C.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288, do UBND thành phố B cấp ngày 20/12/2013, cho hộ ông Đào Mai L và bà Hà Thị Minh Đ thửa

đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại địa chỉ số 122 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định,

- Ngày 01/8/2017, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 7 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, tại Quyết định kháng nghị số 713/QĐ-VKS-HC theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau. Yêu cầu hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

[1] Về nguồn gốc thửa đất:

Ông Đào Mai L tham gia quân đội từ trước năm 1975, sau ngày 30/4/1975 Miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông L công tác tại Ban Quân khí, Phòng Hậu cần thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vào năm 1982, ông L được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp 300 m² đất tại khu vực sân bay L19 cũ, nay là đường L, phường T, TP. B, theo Quyết định số 261/SDĐ ngày 25/2/1982 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk. Sau khi được cấp đất, ông L làm nhà và cư trú ổn định cho đến nay.

Ngày 10/02/1985, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk lại ban hành quyết định số 205/SDĐ giao cho ông Nghiêm Đông X 300 m² đất ở sân bay L10 cũ trùng với diện tích và vị trí đất mà Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk đã cấp cho ông Đào Mai L vào năm 1982.

Sau đó, ông Nghiêm Đông X (là chồng bà Lê Thị L, kết hôn ngày 28/1/1986) thông báo cho ông Đào Mai L biết, ông được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp một lô đất, trùng với lô đất của ông L.

Theo đó, giữa ông X và ông L có sự trao đổi, thống nhất, ông Nghiêm Đông X giao quyền sử dụng lô đất nói trên cho ông L. Cụ thể là ông X đã lập một “Giấy chuyển nhượng” ghi ngày 03/2/1986, có chữ ký của ông X, giao cho

ông L. Mặc dù, “Giấy cho đất làm nhà ở” bị Quân đội hạn chế là không được bán, đổi chất với cá nhân, tập thể nào trong hoặc ngoài Quân đội. Đồng thời, hồ sơ thể hiện xác lập giấy chuyển nhượng đất cho ông Đào Mai L vào ngày 03/2/1986, ông Nghiêm Đông X vừa mới đăng ký kết hôn với bà Lê Thị L (21/1/1986) được 13 ngày. Nên việc chuyển nhượng đất này, cho thấy đất ông X có trước khi kết hôn nên không thể gọi là tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân. Án sơ thẩm viện dẫn Điều 15 Luật hôn nhân và Gia đình năm 1959 là không đúng pháp luật.

[2] Về quyền khởi kiện:

Năm 1995, ông Nghiêm Đông X chết, đến năm 1998 thì bà Lê Thị L (vợ ông X) có Đơn khiếu nại đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất số 261/SDĐ ngày 25/6/1982 cho ông Đào Mai L. Sau khi gia đình Bà L có đơn khiếu nại, Thanh tra Quốc Phòng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk đã có kết luận số 30/TT ngày 26/8/1998 kiến nghị ra quyết định thu hồi Quyết định số 261/SDĐ ngày 25/6/1982 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk về việc giao đất cho ông L. Ngày 03/10/1998, sau hơn 16 năm, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định 103/QĐ thu hồi Quyết định 261/SDĐ ngày 25/6/1982.

Quyết định ghi rõ: Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt lô đất số 145 Lê Thành Tông (trước đây) do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử lý theo quy định của pháp luật, vì tại thời điểm cấp đất Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk đã cấp sai đối tượng.

Kết luận số 30/TT ngày 26/8/1998, Thanh tra Quốc Phòng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk (Án sơ thẩm viện dẫn là căn cứ Bản kết luận thanh tra số 134/KL-QK ngày 25/3/1998 của Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Nhưng thực tế tài liệu viện dẫn của Tòa án cấp sơ thẩm không có trong hồ sơ vụ án; chỉ có Kết luận Thanh tra số 30/TT ngày 26/8/1998), kết luận: Việc Bà L khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp là không có cơ sở, do Bà L hiện không có giấy tờ chứng minh lô đất của mình. Riêng lô đất mà Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nghiêm Đông X (tại thời điểm đó ông X chưa kết hôn), đã có thông báo giải tỏa đất Quốc phòng và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nghiêm Đông X một lô đất khác tại phía sau khu A, hiện lô đất này ông Nghiêm Đông X đã chuyển quyền sử dụng đất cho bố mẹ ông sử dụng.

Ngày 17/7/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Thông báo số 78/TB-UB về việc quản lý sân bay L19, kể từ ngày 26/5/1990 quyền quản lý trực tiếp và sử dụng đất khu vực sân bay L19 thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 12/5/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 552/CV-UB về việc đình chỉ việc cấp đất và làm nhà trái pháp luật tại sân bay L19. Xét 300m² đất tại khu vực sân bay L19 Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông L tại Giấy cho sử dụng đất số 261/SDĐ ngày 25/6/1982, cấp cho ông X tại Quyết định số 205/SDĐ do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp sai thẩm quyền, ông X được cấp lô đất khác còn ông L đã bị thu hồi đất. Đất này đã

thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chưa được cấp cho ai.

Sau khi được cho đất, trong “Giấy cho sử dụng đất” số 261/SĐĐ ngày 25/6/1982 của ông Đào Mai L đã có Quyết định thu hồi đất nhưng ông L vẫn làm nhà, sinh sống và ở ổn định lâu dài từ đó cho đến nay.

[3] Bà Lê Thị L tiếp tục khiếu nại tại quyết định giải quyết khiếu nại số: 1110/QĐ-UBND-TNMT ngày 03/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Lê Thị L, nêu rõ: Bà Lê Thị L không có giấy tờ chứng minh đến quyền sử dụng lô đất số 145 Lê Thanh Tông, thành phố B. Ông Nghiêm Đông X là chồng của bà đã được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho lô đất khác, không phải lô đất tại 145 Lê Thanh Tông. Hiện nay, lô đất đã cấp cho ông X, gia đình nhà chồng Bà đang sử dụng. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung đơn đề nghị giải quyết quyền sử dụng đất giữa bà với ông Đào Mai L. Quyết định cũng nêu rõ: *“Đây là quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu, nếu hộ Bà L không đồng ý thì gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo quy định”*. Kể từ ngày Quyết định 1110/QĐ-UBND-TNMT ngày 03/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được ban hành, bà Lê Thị L không có ý kiến, không có khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết lần hai theo quy định của pháp luật. Như vậy, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 1110/QĐ-UBND-TNMT ngày 03/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nội dung không chấp nhận đơn của Bà L là có căn cứ, đúng pháp luật, Quyết định này có hiệu lực thi hành.

[4] Sau khi quyết định giải quyết khiếu nại số 1110/QĐ-UBND-TNMT ngày 03/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không bị khiếu nại và có hiệu lực pháp luật. Đến năm 2009, sau 3 năm ông Đào Mai L mới nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhận được hồ sơ của ông Đào Mai L, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có Công văn số 104/CV-YNMT ngày 28/7/2009 đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk hướng dẫn giải quyết.

Ngày 13/8/2009, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 706/STNMT-QLĐĐ về việc hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào Mai L.

Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ các quy định của pháp luật và Công văn số 264/UBND-NLN ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc xử lý một số vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đề hướng dẫn: *“Đối với trường hợp hộ gia đình, các nhân được tổ chức (kể cả các đơn vị quân đội) giao đất cho làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 (kể cả trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của những người được giao đất này), nay hình thành khu dân cư ổn định, do địa phương quản lý về mặt hành chính, thì không phải làm thủ tục thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý mà Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành lập thủ tục cấp GCN QSDĐ và thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật”*.

Công văn số 706/STNMT-QLĐĐ ngày 13/8/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cũng đề nghị (BL 73): “*Trường hợp của ông Đào Mai L sử dụng đất tại khu vực sân bay L19 mục đích đất ở từ năm 1982 đến nay, nay Ủy ban nhân dân phường xác nhận đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp GCN QSDĐ...*”

Một tài liệu khác để làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Đắk Lắk cấp GCN QSDĐ, đó là: Quy định xử lý một số vướng mắc trong việc cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk-Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Từ những văn bản trên của Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Đắk Lắk; và quy định của pháp luật. Ngày 20/12/2013 (hơn 04 năm), ông Đào Mai L mới được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCN QSDĐ số BP 224288 ngày 20/12/2013 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, diện tích 198,4 m² cho hộ ông Đào Mai L, bà Hà Thị Minh Đ.

[5] Xét việc cấp GCN QSDĐ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định “Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng và không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, nhưng được sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều này, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được cấp GCN QSDĐ”

[6] Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những Người khởi kiện để huỷ GCN QSDĐ số BP 224288 ngày 20/12/2013 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, diện tích 198,4 m² cho hộ ông Đào Mai L, bà Hà Thị Minh Đ là không đúng pháp luật.

Do vậy, xét kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L, kháng nghị phúc thẩm số 713/QĐ-VKS-HC ngày 04/8/2017 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện là bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H, bà Nghiêm Thị Kim C.

[7] Xét án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng là không giải quyết triệt để vụ án, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Trường hợp Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bên những Người khởi kiện, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288 ngày 20/12/2013 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, diện tích 198,4 m² cho hộ ông Đào Mai L, bà Hà Thị Minh Đ nhưng không xem xét xử lý, giải quyết tài sản có trên đất là không đúng pháp luật. Nhưng do Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện nên không huỷ án sơ thẩm, chỉ nhắc nhở rút kinh nghiệm với Toà án cấp sơ thẩm.

[8] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L đề nghị Hội đồng chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L, kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa án sơ thẩm xử bác đơn của Người khởi kiện. Đề nghị này đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L, kháng nghị phúc thẩm số 713/QĐ-VKS-HC ngày 04/8/2017 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa án sơ thẩm xử bác đơn của Người khởi kiện. Đề nghị này có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng tại Biên lai số 27833 ngày 15/12/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[11] Về án phí hành chính phúc thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên bà Lê Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của bộ Luật tổ tụng hành chính.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mai L;

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 713/QĐ-VKS-HC ngày 04/8/2017 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 24/2017/HC-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, ông Nghiêm Đức A, bà Nghiêm Thị H, bà Nghiêm Thị Kim C về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 224288, do UBND thành phố B cấp ngày 20/12/2013, cho hộ ông Đào Mai L và bà Hà Thị Minh Đ, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 83, tại địa chỉ số 122 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng tại Biên lai số 27833 ngày 15/12/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3./Về án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Đào Mai L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004427 ngày 03/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 23/3/2018.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long